

Bản án số: 56/2020/HS-ST
Ngày 25 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Phong và ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P, sinh ngày 08-7-1997 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Lưu Thị Thu S và 01 con; nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số: 25/2014/HS-ST ngày 11-7-2014 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-10-2020 - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Bùi Quang Tuấn, Luật sư Văn phòng Luật sư Hoà An thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắc Nông - Có mặt.

Bị hại:

1. Chị Lê Thị Thu T; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắc Nông - Có mặt.
2. Chị Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn Q, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum - Có mặt.
3. Anh Nguyễn Quang D; địa chỉ: Thôn W, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - Có mặt.
4. Anh Trần Văn P; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

5. Chị Trần Thị Mỹ T; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.
 6. Chị Trần Thị Kiều L; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
 7. Anh Trương Xuân C; địa chỉ: Xóm R, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.
 8. Chị Hoàng Thúy N; địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
 9. Chị Phạm Thị L; địa chỉ: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
 10. Anh Nguyễn Thành S; địa chỉ: Tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.
 11. Chị Nguyễn Thị D; địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
 12. Chị Nguyễn Thị L; địa chỉ: Khu phố B, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
 13. Chị Nguyễn Thanh M; địa chỉ: Tổ Y, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.
 14. Anh Đỗ Đình L; địa chỉ: Số E, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.
 15. Anh Hồ Văn H; địa chỉ: Đội U, xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương.
 16. Chị Tống Thị Dương N; địa chỉ: Tổ O, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.
 17. Chị Đinh Thị Thu G; địa chỉ: Khu H, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.
 18. Chị Hà Thị Ánh T; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
 19. Anh Bàn Văn S; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.
 20. Anh Nguyễn Văn Hữu N; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.
 21. Chị Nguyễn Thị Thanh X; địa chỉ: Số P, đường P, phường T, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.
 22. Anh Huỳnh Văn L; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
 23. Anh Nguyễn Sỹ C; địa chỉ: Khối M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An.
- (19 bị hại đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5 năm 2020, Nguyễn Văn P, trú tại xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những người có hoàn cảnh khó khăn, được kêu gọi quyên góp ủng hộ trên mạng xã hội, phương tiện truyền thông. P đã sử dụng mạng Facebook cá nhân mua 02 tài khoản ví điện tử ViettelPay có số tài khoản 9704229203816061991 mang tên Tô Thị Mỹ H, đăng ký bằng số điện thoại 0366270266 và số tài khoản 9704229200489624477 mang tên Phạm Văn Thế V, đăng ký bằng số điện thoại 0935250083. Sau khi mua tài khoản ví điện tử, P được người bán (không rõ lai lịch) gửi các sim đã đăng ký để sử dụng. Ngoài

ra, P còn mua nhiều sim điện thoại đăng ký không chính chủ sử dụng điện thoại liên hệ với người cần được ủng hộ, giới thiệu mình là nhà hảo tâm muốn gửi tiền ủng hộ. Sau đó, P gửi tin nhắn địa chỉ đường dẫn đến trang web do P tạo ra như: Weebly.com; Jweb.vn có giao diện nhận, chuyển tiền của Ngân hàng. P hướng dẫn cho bị hại nhập, cung cấp các thông tin liên quan đến tài khoản ngân hàng của mình gồm: Tên, mật khẩu đăng nhập, mã OTP. Khi bị hại nhập các thông tin vào trang web thì thông tin tài khoản của họ được tự động gửi về địa chỉ email của P. Sau khi chiếm đoạt được các thông tin về tài khoản, P truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng của người gửi thông tin và thực hiện các giao dịch chuyển tiền vào ví điện tử mang tên Tô Thị Mỹ H và Phạm Văn Thế V để chiếm đoạt.

Khoảng 13 giờ ngày 20-10-2020, Nguyễn Văn P đọc báo thấy thông tin của chị Lê Thị Thu T, trú tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, là vợ của anh Trần Văn L (nạn nhân bị chết trong vụ sạt lở tại thủy điện Rào Trăng 3, tỉnh Thừa Thiên Huế xảy ra vào ngày 12-10-2020), có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản của chị T. P sử dụng số điện thoại 0799871007 gọi vào số điện thoại 0378508699 của chị T, tự xưng mình là Lê Thanh N ở thành phố Đà Nẵng, muốn ủng hộ chị T 6.000.000 đồng. P nhắn tin địa chỉ trang Web nganhanglienviet.weebly.com cho chị T và hướng dẫn cách truy cập các thông tin tài khoản ngân hàng để nhận tiền. Sau khi chị T nhập các thông tin về tên, mật khẩu đăng nhập và cung cấp mã OTP vào trang web, thì các thông tin tài khoản của T được gửi về địa chỉ email roicungduoc@gmail.com của P. P sử dụng phần mềm internet Banking của Ngân hàng Vietcombank, đăng nhập các thông tin đã chiếm đoạt được của chị T và thực hiện liên tiếp 02 lần chuyển tiền, mỗi lần 50.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của chị T qua tài khoản Tô Thị Mỹ H và chiếm đoạt số tiền trên.

Kết quả điều tra: Bằng thủ đoạn tương tự, P đã chiếm đoạt tiền của 22 bị hại khác, cụ thể:

Ngày 16-5-2020, chiếm đoạt của chị Trần Thị Mỹ T; trú tại: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định số tiền 40.000.000 đồng.

Ngày 06-6-2020 chiếm đoạt của chị Trần Thị Kiều L; trú tại: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, số tiền 90.000.000 đồng.

Ngày 25-6-2020 chiếm đoạt của chị Phạm Thị H; trú tại: Thôn Q, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum, số tiền 17.000.000 đồng.

Ngày 02-7-2020 chiếm đoạt của anh Trương Xuân C; trú tại: Xóm R, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, số tiền 2.700.000 đồng.

Ngày 09-7-2020 chiếm đoạt của chị Hoàng Thúy N; trú tại: Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An, số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 11-7-2020 chiếm đoạt của chị Phạm Thị L; trú tại: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 13-7-2020 chiếm đoạt của anh Nguyễn Thành S; trú tại: Tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, số tiền 21.500.000 đồng.

Ngày 14-7-2020 chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị D; trú tại: Thôn X, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên, số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 15-7-2020 chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L; trú tại: Khu phố B, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, số tiền 61.000.000 đồng.

Ngày 01-8-2020 chiếm đoạt của chị Nguyễn Thanh M; trú tại: Tổ Y, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, số tiền 49.000.000 đồng.

Ngày 02-8-2020 chiếm đoạt của anh Trần Văn P; trú tại: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, số tiền 8.000.000 đồng.

Ngày 09-8-2020 chiếm đoạt của anh Đỗ Đình L; trú tại: Số E, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 10-8-2020 chiếm đoạt của anh Hồ Văn H; trú tại: Đội U, xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương, số tiền 69.000.000 đồng.

Ngày 27-8-2020 chiếm đoạt của chị Tống Thị Dương N; trú tại: Tổ O phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền 11.000.000 đồng.

Ngày 31-8-2020 chiếm đoạt của chị Đinh Thị Thu G, trú tại khu H, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, số tiền 26.000.000 đồng.

Ngày 17-9-2020 chiếm đoạt của chị Hà Thị Ánh T; trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, Tỉnh Thanh Hóa, số tiền 19.000.000 đồng.

Ngày 28-9-2020 chiếm đoạt của anh Nguyễn Quang D; trú tại: Thôn W, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, số tiền 8.000.000 đồng.

Ngày 29-9-2020 chiếm đoạt của anh Bàn Văn S, trú tại thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, số tiền 12.000.000 đồng.

Ngày 01-10-2020 chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn Hữu N; trú tại: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, số tiền 4.000.000 đồng.

Ngày 14-10-2020 chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thanh X; trú tại: Số P, đường P, phường T, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 16-10-2020 chiếm đoạt của anh Huỳnh Văn L; trú tại: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, số tiền 13.000.000 đồng.

Ngày 19-10-2020 chiếm đoạt của anh Nguyễn Sỹ C; trú tại: Khối M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An, số tiền 35.000.000 đồng.

Tổng cộng Nguyễn Văn P đã chiếm đoạt của 23 bị hại với tổng số tiền là 620.200.000 đồng. Số tiền P chiếm đoạt được, Cơ quan Cảnh sát điều tra chỉ thu giữ được số tiền P chiếm đoạt của chị Lê Thị Thu T 100.000.000 đồng, trong đó số tiền 61.400.000 đồng do bị cáo Nguyễn Văn P, anh Tăng Bá Q, anh Nguyễn

Văn L và anh Lê V giao nộp lại và 38.600.000 đồng do gia đình bị cáo tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả.

Đối với Tăng Bá Q, Nguyễn Văn L và anh Lê V là những người được bị cáo P chuyển một phần số tiền chiếm đoạt được của chị Lê Thị Thu T vào ngày 20-10-2020 để trả nợ, quá trình điều tra xác định hành vi của Q, L và V không đồng phạm với P trong việc chiếm đoạt tiền của chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với Phạm Văn Thế V, trú tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, là người có thông tin cá nhân đăng ký mở ví điện tử ViettelPay số 9704229200489624477 và Tô Thị Mỹ H, trú tại xóm G, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, là người có thông tin cá nhân đăng ký tài khoản mở ví điện tử ViettelPay số 9704229203816061991. Quá trình làm việc khai nhận các thông tin cá nhân trên 02 tài khoản này là của mình nhưng không thừa nhận việc đăng ký, sử dụng các ví điện tử nêu trên và không có liên quan đến hành vi phạm tội Nguyễn Văn P nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với các tài khoản Ngân hàng MBBank số 3340100116789 của Nguyễn Văn P; tài khoản ViettelPay số 9704229203816061991 chủ tài khoản Tô Thị Mỹ Hiệp và tài khoản Finhay có mã số người dùng là 692691 mang tên Nguyễn Văn P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã tiến hành phong tỏa toàn bộ số tiền trong các tài khoản này để phục vụ công tác giải quyết vụ án.

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động hiệu SYMPHONY T160, số IMEI 1: 351946090905505, IMEI 2: 351946090905513 có gắn 02 sim điện thoại số thuê bao là: 0799350484 và số: 0779288796; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS, số IMEI: 357204091806189 gắn sim có số thuê bao là 0708416789; 01 điện thoại di động hiệu SamSung màu đen, kiểu máy SM A515F/DSN, số IMEI 1: 352353110471981, số IMEI 2: 352354110471989; 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh xám, số IMEI 1: 357887100605541, IMEI 2: 357887100605558 gắn sim có số thuê bao là 0364790881 và số 0779256119; 02 sim điện thoại Mobifone có số thẻ sim 8401200233839224 và số thẻ sim 8401181233020546WD; 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank số 9704365511647915019; 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank VISA số 4283102942519269; 01 thẻ Ngân hàng MBBank số 4089041084276377; 01 thẻ Ngân hàng Agribank số 9704050880999086 đều mang tên NGUYEN VAN P; 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank số 9704366814285937017 mang tên LUU THI THU S (vợ P). Tập tài liệu sao kê do Ngân hàng và bị hại cung cấp thể hiện việc chuyển tiền giữa các tài khoản ngân hàng của bị hại vào ví điện tử ViettelPay Tô Thị Mỹ H và Phạm Văn Thế V.

Cáo trạng số: 78/CTr-VKS ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “*Sử dụng mạng*

máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo bổ sung: Chỉ sử dụng tài khoản ViettelPay Tô Thị Mỹ H; việc bị cáo khai sử dụng cả tài khoản ViettelPay Phạm Văn Thế V là không đúng sự thật, vì bị cáo bị bức cung nên đã khai vậy và không có chứng cứ chứng minh bị bức cung mong Hội đồng xét xử xem xét.

Bị hại có mặt tại phiên tòa trình bày: Chị T xác nhận lời của bị cáo tại phiên tòa là đúng với diễn biến sự việc đã xảy ra vào ngày 20-01-2020; chị đã nhận lại số tiền 100.000.000 đồng; các anh Nguyễn Quang D, Trần Văn P và chị Phạm Thị H đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả số tiền đã chiếm đoạt và xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật. Những người bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên tố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điểm g, l khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 năm đến 16 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 520.200.000 đồng tương ứng với số tiền chiếm đoạt của từng bị hại. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 04 điện thoại di động các loại thu giữ của Nguyễn Văn P; Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại có số thẻ sim 8401200233839224 và 01 sim điện thoại có số thẻ sim 8401181233020546WD; tịch thu tiêu hủy 04 thẻ Ngân hàng các loại mang tên Nguyễn Văn P. Trả lại cho chị Lưu Thị Thu S (vợ P) 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank số 9704366814285937017 mang tên LUU THI THU S. Tiếp tục phong tỏa số tiền trong tài khoản của Nguyễn Văn P để đảm bảo thi hành án.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo P về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 290 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo khai do bị ép cung nên mới thừa nhận việc sử dụng số tài khoản ViettelPay Phạm Văn Thế V, lời khai này phù hợp với lời khai của các bị hại có mặt tại phiên tòa đều xác nhận không nhớ rõ giọng nói khi bị cáo gọi điện thoại và giọng nói của bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của bị cáo đề nghị Hội đồng

xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung có hay không có việc bị cáo sử dụng số tài khoản ViettelPay Phạm Văn Thế V.

Bị cáo không bào chữa bổ sung; trình bày: Nhận thấy hành của bị cáo đã vi phạm pháp luật, gây hậu quả lớn cho các bị hại, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt tử hình, vì bây giờ cuộc sống của bị cáo sống không bằng chết, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Mặc dù, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận do bị ép cung nên trong quá trình điều tra bị cáo khai đã sử dụng tài khoản ViettelPay Phạm Văn Thế V. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 09-11-2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra với bị cáo về việc trích xuất dữ liệu điện thoại SamSung SM-A515F/DSN của bị cáo P (bút lục số 548, 549, 550, 552); các biên bản hỏi cung bị cáo ngày 12-11-2020 và ngày 13-11-2020 (BL 70a- 70b, 72-75) có sự tham gia của Kiểm sát viên, của Luật sư; lời khai của các bị hại khác có trong hồ sơ vụ án: Chị Trần Thị Mỹ T, anh Nguyễn Mạnh S, chị Nguyễn Thị L, anh Hồ Văn H, anh Bàn Văn S...(tại các bút lục số 812, 828, 886, 906, 1102, 1222) và các chứng cứ khác đã thu thập lưu hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận bị cáo đã sử dụng tài khoản ViettelPay số 9704229200489624477 mang Phạm Văn Thế ừ từ tháng 05 năm 2020 và tài khoản ViettelPay Tô Thị Mỹ H số 9704229203816061991 từ tháng 10 năm 2020. Do đó, đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo về việc trả hồ sơ điều tra bổ sung không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, các chứng cứ đã thu thập lưu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai, Hội đồng xét xử đã có đầy đủ căn cứ để kết luận: Thông qua các tiện ích của mạng Internet, bị cáo P đã tạo lập các tài khoản email cá nhân roicungduoc@gmail.com, Mbbank247@gmail.com...; các tài khoản mạng xã hội như Facebook, Zalo “Độc cô cầu bại”, “Đỗ Hoàng Minh T”, “Phúc Dư G”... để mua các ví điện tử ViettelPay Phạm Văn Thế V và ViettelPay Tô Thị Mỹ H; kết nhóm với các nhà tài trợ, hảo tâm để khai thác thông tin liên quan đến số

điện thoại và các thông tin khác của những người có hoàn cảnh khó khăn cần sự giúp đỡ của cộng đồng, xã hội. Ngoài ra, bị cáo còn sử dụng phần mềm thay đổi giọng nói cài đặt vào điện thoại để liên lạc với nhiều người bị hại với mục đích tránh bị phát hiện; sử dụng tính năng thiết kế nội dung: Xác nhận đã chuyển tiền và gửi qua mạng Zalo cho người bị hại để tạo niềm tin, hướng dẫn bị hại truy cập theo ý đồ của bị cáo. Sau đó, P sử dụng các weebly trên nền tảng web để tạo lập các weebly như nganhanglienviet.weebly.com, nganhangVB.weebly.com... có giao diện giống với các giao diện của các ngân hàng, hướng dẫn các bị hại thực hiện theo chỉ dẫn của bị cáo, cung cấp số tài khoản, mã OTP. Sau khi đột nhập trái phép vào tài khoản của bị hại, bị cáo thực hiện các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của bị hại đến tài khoản của bị cáo để chiếm đoạt. Bằng các thủ đoạn như trên từ ngày 16-5-2020 đến ngày 20-10-2020, bị cáo P thực hiện việc chiếm đoạt của 23 người bị hại thuộc nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước với số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng và nhiều nhất là 100.000.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt là 620.200.000 đồng.

[4]. Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn P đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan. Mặt khác Hội đồng xét xử xét thấy, những người bị hại trong vụ án này phần lớn là những người đang phải điều trị các bệnh ung thư, chạy thận nhân tạo, chấn thương sọ não, bị bỏng nặng... đều có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn đang và đã được cộng đồng xã hội, các nhà hảo tâm chung tay giúp đỡ. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các bị hại trong vụ án mà còn tác động đến truyền thống tương thân tương ái tốt đẹp của dân tộc ta gây bức xúc rộng rãi trong cộng đồng xã hội, phản uất đối với người bị hại và những người thân của những người bị hại. Bên cạnh đó, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Lợi dụng hoàn cảnh thiên tai*” quy định tại các điểm g, l khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, năm 2014 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị đánh giá là người có nhân thân xấu. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo mức cao của khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian dài mới đảm bảo được việc giáo dục bị cáo trở thành công dân có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; đã tác động người thân bồi thường một khoản tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị Lê Thị Thu T. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy

định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường cho 22 bị hại tổng số tiền là 520.200.000 đồng tương ứng với số tiền đã chiếm đoạt của từng bị hại.

[6]. Về xử lý vật chứng:

6.1. Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã trả lại chị Lê Thị Thu T là chủ sở hữu số tiền bị chiếm đoạt 100.000.000 đồng.

6.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 04 điện thoại di động Nguyễn Văn P dùng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng và tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng đã thu giữ trong quá trình điều tra.

6.3. Trả lại cho chị Lưu Thị Thu S (Vợ của bị cáo Nguyễn Văn P) 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank số 9704366814285937017 mang tên LUU THI THU S.

6.4. Tiếp tục phong tỏa toàn bộ số tiền trong tài khoản Viettel Pay số 9704229203816061991 đứng tên Tô Thị Mỹ H như Lệnh phong tỏa tài khoản số: 09/LPTTK-CSHS ngày 04-11-2020; tài khoản số: 33400100116789 đứng tên Nguyễn Văn P như Lệnh phong tỏa tài khoản số: 12/LPTTK-CSHS ngày 04-11-2020 của Công an Cảnh sát điều tra tỉnh Đắk Nông, để đảm bảo thi hành án.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a và c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 24.800.000đ (*Hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường 520.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, l khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 15 (*Mười lăm*) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25-10-2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc Nguyễn Văn P phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 520.200.000 (*Năm trăm hai mươi triệu hai trăm nghìn*) đồng, cụ thể: Chị Trần Thị Mỹ T số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), chị Trần Thị Kiều L số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*), chị Phạm Thị H số tiền 17.000.000đ

(Mười bảy triệu đồng), anh Trương Xuân C số tiền 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng), chị Hoàng Thúy N số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), chị Phạm Thị L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), anh Nguyễn Thành S số tiền 21.500.000đ (Hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị D số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), chị Nguyễn Thị L số tiền 61.000.000đ (Sáu một triệu đồng), chị Nguyễn Thanh M số tiền 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng), anh Trần Văn P số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), anh Đỗ Đình L số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), anh Hồ Văn H số tiền 69.000.000đ (Sáu mươi chín triệu đồng), cho chị Tống Thị Dương N số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), chị Đinh Thị Thu G số tiền 26.000.000đ (Hai sáu triệu đồng), chị Hà Thị Ánh T số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), cho anh Nguyễn Quang D số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), anh Bàn Văn S số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), anh Nguyễn Văn Hữu N số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), chị Nguyễn Thị Thanh X số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), anh Huỳnh Văn L số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), anh Nguyễn Sỹ C số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a và c khoản 2 Điều 106; Điều 129 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 04 điện thoại di động Nguyễn Văn P dùng vào việc phạm tội, cụ thể: 01 điện thoại di động hiệu SYMPHONY T160, số IMEI 1: 351946090905505, IMEI 2: 351946090905513 có gắn 02 sim điện thoại số thuê bao là: 0799350484 và số: 0779288796; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS, số IMEI: 357204091806189 gắn sim có số thuê bao là 0708416789; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, kiểu máy SM A515F/DSN, số IMEI 1: 352353110471981, số IMEI 2: 352354110471989; 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh xám, số IMEI 1: 357887100605541, IMEI 2: 357887100605558 gắn sim có số thuê bao là 0364790881 và số 0779256119.

3.2. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại có số thẻ sim 8401200233839224 và 01 sim điện thoại có số thẻ sim 8401181233020546WD; 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank số 9704365511647915019; 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank VISA số 4283102942519269; 01 thẻ Ngân hàng MBBank số 4089041084276377 và 01 thẻ Ngân hàng Agribank số 9704050880999086 đều mang tên NGUYEN VAN P.

3.3. Trả lại cho chị Lưu Thị Thu S (Vợ của bị cáo Nguyễn Văn P) 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank số 9704366814285937017 mang tên LUU THI THU S.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-11-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông).

3.4. Tiếp tục phong tỏa toàn bộ số tiền trong tài khoản Viettel Pay số 9704229203816061991 đứng tên Tô Thị Mỹ H như Lệnh phong tỏa tài khoản số: 09/LPTTK-CSHS ngày 04-11-2020; tài khoản số: 33400100116789 đứng tên Nguyễn Văn P như Lệnh phong tỏa tài khoản số: 12/LPTTK-CSHS ngày 04-11-2020 của Công an Cảnh sát điều tra tỉnh Đắk Nông, để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a và c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 24.800.000đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. H;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương